TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024.
V/v:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Sơn Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 95/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa 45/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị H**, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 11, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông **Phạm Anh V**, sinh năm: 1975. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: - Ông **Trương Hoàng S**, sinh năm: 1974 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hoàng S. (Vắng mặt)

- Bà **Lâm Thùy H**, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 27/18A đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và tại các Biên bản không hòa giải được, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị H là ông Phạm Anh V trình bày:*

Ông Trương Hoàng S là chủ Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Hoàng S cùng vợ là bà Lâm Thùy H có vay tiền của bà Vũ Thị H 02 lần, vay tổng số tiền là **2.500.000.000** đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 05/01/2019, ông Trương Hoàng S và bà Lâm Thùy H vay bà Vũ Thị H số tiền **1.500.000.000** đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích vay là để sữa chửa tàu. Thời hạn vay là kể từ ngày 13/01/2019 đến ngày 13/6/2019. Khi vay, giữa hai bên có lập "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" đề ngày 05/01/2019 do bà H tự viết tay và sau đó vợ chồng ông S, bà H ký ghi rõ họ tên. Sau khi vay, ông S và bà H đã đóng lãi cho bà H được 12 tháng (tính kể từ ngày 05/01/2019 đến ngày 05/12/2019) được tổng số tiền là 270.000.000 đồng (tướng ứng 22.500.000 đồng/tháng) cho khoản vay lần 1 rồi ngưng không đóng lãi, cũng không trả gốc như đã thỏa thuận.

- Lần 2: Vào ngày 15/01/2019, ông Trương Hoàng S và bà Lâm Thùy H vay bà Vũ Thị H số tiền **1.000.000.000** đồng (Một tỷ đồng), mục đích vay là để sữa chửa tàu. Thời hạn vay là kể từ ngày 05/01/2019 đến ngày 05/6/2019. Khi vay, giữa hai bên có lập "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" đề ngày 15/01/2019 do bà H tự viết tay và sau đó vợ chồng ông S, bà H ký ghi rõ họ tên Sau khi vay, ông S và bà H đã đóng lãi cho bà H được 12 tháng (tính kể từ ngày 13/01/2019 đến ngày 13/12/2019) được tổng số tiền là 180.000.000 đồng (tướng ứng 15.000.000 đồng/tháng) cho khoản vay lần 2. Từ ngày 27/12/2019 đến ngày 09/01/2020, ông S và bà H trả được cho bà H số tiền nợ gốc là **650.000.000** đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), rồi ngưng không đóng lãi cũng không trả nợ gốc nữa.

Từ ngày 10/01/2020, bà H đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại nhưng vợ chồng ông S và bà H chỉ hứa hẹn nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 04/3/2020, bà H đi từ Tuyên Quang vào thành phố Rạch Giá và tìm đến nhà ông S, bà H nhưng không gặp. Bà H liên lạc qua điện thoại thì ông S, bà H viện nhiều lý do không tiếp bà.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị H là ông Phạm Anh V có đơn xin vắng mặt và có ý kiến xác nhận vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trương Hoàng S- Chủ DNTN Hoàng S và bà Lâm Thùy H phải trả cho bà Vũ Thị H tổng số tiền nợ vay vốn gốc là **1.850.000.000** đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05/01/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

** Bị đơn ông Trương Hoàng S- Chủ DNTN Hoàng S và bà Lâm Thùy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn xét xử vụ án, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, cần khắc phục.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Hoàng S- Chủ DNTN Hoàng S và bà Lâm Thùy H phải trả số tiền nợ vay vốn gốc là **1.850.000.000** đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05/01/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết, thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông S và bà H vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà H. Trường hợp, ông S và bà H phản đối yêu cầu khởi kiện của bà H thì phải thể hiện bằng văn bản và phải cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của bà H và ông S là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị H là ông Phạm Anh V vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn bà Lâm Thùy H, ông Trương Hoàng S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Vũ Thị H yêu cầu Trương Hoàng S- Chủ DNTN Hoàng S và bà Lâm Thùy H phải trả cho bà số tiền nợ vay vốn gốc là **1.850.000.000** đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất tính theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05/01/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H đã nộp cho Tòa án 02 "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" đề ngày 05/01/2019 và ngày 15/01/2019. Trong 02 hợp đồng này thể hiện rõ nội dung cần thiết về số tiền vay, thời gian vay,

thời hạn trả, thỏa thuận rõ về điều khoản phương thức cho vay, các bên có cam kết ký hợp đồng trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, ép buộc, và vợ chồng ông S, bà H có ký xác nhận trong hợp đồng đã nhận đủ số tiền vay do bà H chuyển giao. Theo phía nguyên đơn trình bày thì 02 hợp đồng vay tiền này là do bà Lâm Thùy H tự viết và vợ chồng ông S, bà H ký ghi rõ họ tên. Trong Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/10/1996, thể hiện bà Lâm Thùy H và ông Trương Hoàng S là vợ chồng hợp pháp. Đồng thời, quá trình tố tụng bị đơn bà Lâm Thùy H và ông Trương Hoàng S không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến vụ việc tranh chấp của hai bên, không đến Tòa án tham dự phiên tòa, và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bà H và ông S đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào 02 "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" đề ngày 05/01/2019 và ngày 15/01/2019 để xác định bị đơn bà Lâm Thùy H và ông Trương Hoàng S- Chủ DNTN Hoàng S có thiếu bà Vũ Thị H số tiền **1.850.000.000** đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng). Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, nên phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thùy H và ông Trương Hoàng S- Chủ DNTN Hoàng S phải trả số tiền nêu trên là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Xét lãi suất bị đơn đã đóng cho nguyên đơn: Bà H xác nhận sau khi vay tiền lần 1 vào ngày 05/01/2019, ông S và bà H đã đóng lãi cho bà H được 12 tháng (từ ngày 05/01/2019 đến ngày 05/12/2019) với số tiền 22.500.000 đồng/tháng, tương đương mức lãi suất 1,5%/tháng. Đồng thời, sau khi vay tiền lần 2 vào ngày 15/01/2019, ông S và bà H đã đóng lãi cho bà H được 12 tháng (từ ngày 13/01/2019 đến ngày 13/12/2019) với số tiền 15.000.000 đồng/tháng, tương đương mức lãi suất 1,5%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất mà ông S, bà H đã trả cho bà H là không vượt quá quy định của pháp luật về lãi suất, nên có cơ sở để ghi nhận số tiền lãi mà vợ chồng ông S, bà H đã trả cho bà H.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Bà Vũ Thị H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 05/01/2020 cho đến kh00i giải quyết xong vụ án. Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi luất trên số tiền vay là có cơ sở, nên được chấp nhận. Xét thấy, trong nội dung của 02 "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" đề ngày 05/01/2019 và ngày 15/01/2019 có thể hiện lãi suất khi vay là tính theo quy định của pháp luật, nhưng không thể hiện cụ thể là bao nhiêu. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất được tính là 10%/năm, tương ứng là 0,833%/tháng, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 05/01/2020 đến ngày 30/9/2024 (ngày xét xử) là 56 tháng 25 ngày: 1.850.000.000 đồng x 0,833% x 56 tháng 25 ngày = **872.675.833** đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: **2.722.675.833** đồng (Hai tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H được chấp nhận nên bà Lâm Thùy H và ông Trương Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật là: [72.000.000 đồng + (722.675.833 đồng x 2%) = **86.453.516** đồng (Tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm mười sáu đồng).

Hoàn trả cho bà Vũ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **34.583.000** đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001908 ngày 16/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H.

Buộc bị đơn ông Trương Hoàng S - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hoàng S và bà Lâm Thùy H cùng liên đới trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị H số tiền vay nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2024 là: **2.722.675.833** đồng (Hai tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lâm Thùy H và ông Trương Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **86.453.516** đồng (Tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm mười sáu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **34.583.000** đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001908 ngày 16/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Rạch Giá, ngày 30 tháng 9 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Trần Thị Lệ.

2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 95/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị H**, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 11, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông **Phạm Anh V**, sinh năm: 1975. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: - Ông **Trương Hoàng S**, sinh năm: 1974 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hoàng S. (Vắng mặt)

- Bà **Lâm Thùy H**, sinh năm: 1976. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 27/18A đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử đồng thống nhất 3/3, quyết định:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H.

Buộc bị đơn ông Trương Hoàng S - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hoàng S và bà Lâm Thùy H cùng liên đới trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị H số tiền vay nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2024 là: **2.722.675.833** đồng (Hai tỷ bảy trăm hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lâm Thùy H và ông Trương Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: **86.453.516** đồng (Tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm mười sáu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Vũ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **34.583.000** đồng (Năm triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001908 ngày 16/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi ……. giờ …..... phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tiến **Trần Thị Lệ** **Vũ Thị Phương Thanh**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh